

Về việc đoàn các “chuyên gia hàng đầu của Mỹ”

đóng góp ý kiến cho chính phủ Việt Nam về giáo dục bậc cao

Sau một cuộc trao đổi dài vào ngày 27 tháng 12 năm 2007 với hai quan chức của Bộ GD-ĐT, (cuộc gặp mặt được GS Ngô Việt Trung, Viện trưởng viện Toán học - Hà nội sắp xếp,) Ann¹ và tôi đã thất bại trong việc thuyết phục họ rằng việc sử dụng tiền của chính phủ Việt Nam để chi trả cho các giáo sư Mỹ đến Việt Nam giảng dạy ở trình độ đại học theo các chương trình thử nghiệm nhằm cải tổ nền giáo dục đại học là không hiệu quả. (Chúng tôi đã nhấn mạnh rằng, việc chi trả cho các chuyến đi này nên do phía Mỹ thực hiện, ví dụ thông qua chương trình học giả Fulbright.) Chúng tôi đã thuyết phục rằng khoản tiền của Việt Nam nên được sử dụng để cải thiện lương và điều kiện làm việc cho các giáo sư của Việt Nam.

Một số lượng lớn các quan chức của Việt Nam dường như tin rằng hệ thống giáo dục của Mỹ ở mọi cấp độ là một câu chuyện về sự thành công lớn lao, và rằng Việt Nam nên cố gắng bắt chước theo hệ thống đó. Thêm vào đó, kể từ sự kiện bình thường hoá quan hệ với Mỹ vào năm 1995, nhiều người Mỹ đến thăm Việt Nam đã cổ vũ rất nhiệt tình cho việc sao chép phong cách quản lý, làm việc của Mỹ tới các nước khác. (Đây không phải là quan điểm của hầu hết những người Mỹ đã tới thăm Việt Nam trước đó.)

Trong cuộc họp mặt tại Bộ GD-ĐT, chúng tôi đã nhận được một bản sao của một báo cáo do “các chuyên gia hàng đầu của Mỹ” (cụm từ được sử dụng trong văn bản hành chính để mô tả các tác giả) biên soạn, có tiêu đề là “*Những quan sát về giáo dục đại học trong các ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện-điện tử - viễn thông và Vật lý tại một số trường đại học Việt Nam.*”² Gần như toàn bộ bản báo cáo, được viết dưới sự bảo trợ của Viện Hàn Lâm Quốc gia Hoa Kỳ, được dành cho việc đưa ra một danh sách dài các khuyến nghị về việc cải cách về mặt hành chính của giáo dục bậc cao ở Việt Nam. (Chỉ một phần nhỏ được dành để nói về các lĩnh vực khoa học được đề cập ở tiêu đề của báo cáo.) Các quan sát nói trên dựa vào một chuyến viếng thăm chỉ vắn vắn có mười ba ngày vào tháng 5 năm 2006 tới Việt Nam của ba tác giả và một chuyến thăm chỉ có ... sáu ngày của hai tác giả khác của bản báo cáo nói trên.

Chỉ có hai trong năm tác giả hiện đang là giáo sư của một lĩnh vực khoa học nào đó. Hai trong số “các chuyên gia hàng đầu của Mỹ” kể trên là người quản lý hành chính đại học, còn một người là phó giáo sư danh dự về giáo dục của trường Đại học Syracuse³. Và cả 5 người đều là nam giới.

Một số ý kiến trong bản báo cáo là hợp lý - ví dụ, các nhà khoa học tại các viện nghiên cứu tại Việt Nam nên tham gia vào công tác giảng dạy đại học nhiều hơn. Một phần tư thế kỷ trước đây, tôi đã từng đưa ra một gợi ý tương tự như vậy. Vào năm 1983, khi Ann và tôi quay trở về sau một tháng ở Việt Nam, tôi đã viết một bản “Báo cáo bí mật” mà cố Giáo sư Ed Cooperman (khi đó là chủ tịch Ủy ban Hoa Kỳ về Hợp tác Khoa học với Việt Nam) đã phổ biến cho một số nhà Toán học, nhà khoa học ở một vài ngành khác và một vài quan chức nhà nước. Trong báo cáo này tôi đã viết:

“Các cán bộ của Viện Toán học nên được khuyến khích để tham gia nhiều hơn vào hệ

thống giáo dục bậc cao... Ở Hoa Kỳ, chúng tôi tin rằng cần phải có một sự gắn bó chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản và giảng dạy. Ở Việt Nam, cơ cấu tổ chức đã làm cho hai hoạt động này bị chia cắt. Cần phải có những nỗ lực rất lớn để tái thống nhất hai lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy.”

Hiện nay các thành viên của Viện Toán học Hà Nội đã đóng góp nhiều hơn trong công tác giảng dạy đại học so với thời điểm 1983, nhưng ở các viện khoa học khác thì sự tham gia này là rất ít hoặc thậm chí là không tồn tại. Vì vậy, ý kiến được nêu trong bản báo cáo nói trên là có ý nghĩa.

Mặt khác, một số gợi ý của “các chuyên gia hàng đầu của Mỹ” lại tỏ ra rất ngớ ngẩn. Ở trang 4 của bản báo cáo nói trên, họ cố gắng thuyết phục tất cả các trường Đại học Việt Nam xây dựng các văn phòng hành chính có tên là : “Trung tâm dạy và học tiên tiến” và “Trung tâm kiểm định chất lượng”, để giải quyết những vấn đề có tính chất sự phạm, và “Phòng hỗ trợ nghiên cứu” để khuyến khích việc tham gia nghiên cứu khoa học của các giảng viên. Hơn nữa, họ đặt vấn đề thành lập nhiều hơn các hệ thống uỷ nhiệm liên kết giữa các đơn vị học thuật, “cũng như việc phát triển và thực hiện một hệ thống đánh giá môn học và xem xét hàng năm đối với các Khoa.” Nói cách khác, họ kêu gọi Việt Nam mô phỏng theo hệ thống đại học hiện nay tại Mỹ, dù cho điều này đòi hỏi phải có thêm một số lượng lớn các công việc bàn giấy tại các trường đại học của Việt Nam và hệ quả là sẽ kéo theo sự gia tăng đáng kể số lượng công chức bàn giấy (mà không có sự gia tăng một cách tương ứng số lượng các giáo sư).

Trong cuốn sách mới xuất bản gần đây của tôi *Random Curves: Journeys of a Mathematician* (Đường cong ngẫu nhiên: hành trình của một nhà Toán học), tôi đã trình bày về những tác hại đối với giáo dục bậc cao ở Mỹ do sự tăng trưởng các khối u - những bộ máy quan liêu trong các trường đại học những năm gần đây.

[Một] lý do tại sao chi phí đại học ở Hoa Kỳ tăng vượt cả lạm phát ...là vì ngân sách của trường đại học phải trả cho một bộ máy công chức mọc lên như nấm bao gồm một đội quân các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trợ lý hiệu trưởng, phó Tổng hiệu trưởng⁴, trợ lý Tổng hiệu trưởng v.v...tất cả những người này đều đòi hỏi một mức lương rất cao, các văn phòng với trang thiết bị nội thất đẹp kèm theo các thư ký.

Ở Mỹ, bộ máy quan liêu dư thừa này là một gánh nặng đeo trên cổ nền giáo dục bậc cao. Ở Việt Nam, một nước nghèo hơn rất nhiều so với Mỹ, ảnh hưởng tiêu cực của việc gia tăng bộ máy hành chính quan liêu sẽ còn lớn hơn rất nhiều. Chỉ có những người không hiểu Việt Nam và những người thiếu sự phân tích đánh giá về hệ thống đại học của chính bản thân họ mới có thể đưa ra những đề xuất kiểu như thế này để làm tăng thêm bộ máy hành chính quan liêu trong giáo dục bậc cao ở Việt Nam.

Như đã nói ở trên, năm tác giả của bản báo cáo nói trên của Viện Hàn Lâm Quốc Gia Hoa Kỳ đều là nam giới. Không có một từ nào trong bản báo cáo nói tới việc bình đẳng giới, mặc dù như Ann và tôi đã biết từ lâu, việc thiếu vắng sự có mặt của phụ nữ trong khoa học và công nghệ là một vấn đề cốt yếu trong giáo dục bậc cao ở Việt Nam. Trong bản “Báo cáo bí mật” năm 1983 của mình, tôi đã đề cập tới điều này và đã phê phán việc chỉ có 8% sinh viên của trường Đại học Bách khoa là nữ. Tỷ lệ phụ nữ theo học các lĩnh vực công nghệ hiện nay

dường như là cao hơn so với trước, nhưng trong một buổi ăn trưa và làm việc với Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, họ đã nói rằng tỉ lệ này tại trường Đại học Bách khoa vẫn còn thấp (họ không rõ con số chính xác). Luật về "Bình Đẳng Giới" mới được ban hành đã khuyến cáo cần hiệu chỉnh sự bất cân bằng nam nữ trong tất cả các lĩnh vực của xã hội. Nhiều người Việt Nam đã nhận thấy rằng cần phải có những biện pháp cụ thể nhằm gia tăng sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ để Việt Nam có thể tận dụng được tối đa tiềm năng của mình trong các lĩnh vực này. Tuy nhiên bản báo cáo được viết bởi Viện Hàn Lâm Quốc Gia Hoa Kỳ lại không hề nói gì về điều này, và cũng chẳng có một khuyến nghị nào trong đó có liên quan tới bình đẳng giới.

Tóm lại, là những người Mỹ đã quan tâm tới Việt Nam trong một thời gian dài, Ann và tôi cảm thấy vô cùng thất vọng về bản báo cáo của "các chuyên gia hàng đầu của Mỹ".

(Các chú thích đều của người dịch.)

1. Ann Koblitz, Giáo sư đại học Arizona chuyên ngành về giới và phụ nữ học, vợ của GS. Neal Koblitz.
2. Độc giả có thể tìm đọc toàn văn bản báo này tại http://home.vef.gov/download/Report_on_Undergrad_Educ_V.pdf
3. Tác giả có ý đặt câu hỏi nghi ngờ khả năng của vị phó giáo sư này. Ở Mỹ, thường thì các phó giáo sư đều được phong giáo sư trừ khi các công trình của họ có chất lượng quá thấp. Vì thế không một "chuyên gia hàng đầu" nào lại về hưu ở học hàm phó giáo sư. Ngoài ra, trong hệ thống Mỹ thì một giáo sư về giáo dục học thực ra không được đánh giá là tương đương với một giáo sư trong một ngành khoa học khác, và trường Syracuse cũng không được xếp vào trong các trường đại học hàng đầu của Mỹ.
4. associate provost